

Số: 143/NQ-HĐKĐCL

Hà Nội, ngày 29 tháng 8 năm 2025

NGHỊ QUYẾT
Về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng
Chương trình đào tạo chính quy trình độ đại học ngành Ngôn ngữ Trung Quốc
của Trường Đại học Đồng Tháp

HỘI ĐỒNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 1257/QĐ-KĐCL ngày 05/12/2023 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội về việc ban hành Quy định về hoạt động của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 863/QĐ-KĐCL ngày 08/8/2025 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội về việc tổ chức Phiên họp 38 của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 864/QĐ-KĐCL ngày 08/8/2025 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội về việc thành lập Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục Phiên 38;

Căn cứ kết quả nghiên cứu Hồ sơ tự đánh giá Chương trình đào tạo chính quy trình độ đại học ngành Ngôn ngữ Trung Quốc của Trường Đại học Đồng Tháp, Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn đánh giá ngoài, Báo cáo thẩm định của Tiểu ban chuyên môn và các tài liệu liên quan;

Căn cứ kết quả trao đổi, thảo luận và bỏ phiếu kín thông qua Nghị quyết tại Phiên họp 38 ngày 28/8/2025 của Hội đồng,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông nhất với kết quả đánh giá chất lượng giáo dục Chương trình đào tạo chính quy trình độ đại học ngành Ngôn ngữ Trung Quốc của Trường Đại học Đồng Tháp của Đoàn đánh giá ngoài. Đoàn đánh giá ngoài đã thực hiện đánh giá chất lượng Chương trình đào tạo chính quy trình độ đại học ngành Ngôn ngữ Trung Quốc đúng theo quy định hiện hành.

Kết quả đánh giá chất lượng Chương trình đào tạo sau thẩm định chi tiết trong Phụ lục I (kèm theo Nghị quyết).

Điều 2. Kiến nghị Trường Đại học Đồng Tháp cần thực hiện các nhóm giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục (chi tiết trong Phụ lục II kèm theo Nghị quyết).

Điều 3. Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục đề nghị Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục cho Chương trình đào tạo chính quy trình độ đại học ngành Ngôn ngữ Trung Quốc của Trường Đại học Đồng Tháp.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, ĐGCNCLGD.

TM. HỘI ĐỒNG

CHỦ TỊCH



Đinh Văn Toàn

11/01/2021
TF
K
O
A



Phụ lục I

KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHÍNH QUY TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH NGÔN NGỮ TRUNG QUỐC CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP

(Kèm theo Nghị quyết số: 143/NQ-HĐKĐCL ngày 29 tháng 8 năm 2025
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm KĐCLGD - ĐHQGHN)

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí	Tổng hợp theo tiêu chuẩn			Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí	Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
		Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỉ lệ số tiêu chí đạt			Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỉ lệ số tiêu chí đạt
Tiêu chuẩn 1		4,00	3	100%	Tiêu chuẩn 7		4,20	5	100%
Tiêu chí 1.1	4				Tiêu chí 7.1	4			
Tiêu chí 1.2	4				Tiêu chí 7.2	4			
Tiêu chí 1.3	4				Tiêu chí 7.3	4			
Tiêu chuẩn 2		4,00	3	100%	Tiêu chí 7.4	4			
Tiêu chí 2.1	4				Tiêu chí 7.5	5			
Tiêu chí 2.2	4				Tiêu chuẩn 8		4,40	5	100%
Tiêu chí 2.3	4				Tiêu chí 8.1	5			
Tiêu chuẩn 3		3,67	2	66,67%	Tiêu chí 8.2	4			
Tiêu chí 3.1	4				Tiêu chí 8.3	4			
Tiêu chí 3.2	3				Tiêu chí 8.4	4			
Tiêu chí 3.3	4				Tiêu chí 8.5	5			
Tiêu chuẩn 4		4,00	3	100%	Tiêu chuẩn 9		4,20	5	100%
Tiêu chí 4.1	4				Tiêu chí 9.1	4			
Tiêu chí 4.2	4				Tiêu chí 9.2	4			
Tiêu chí 4.3	4				Tiêu chí 9.3	4			
Tiêu chuẩn 5		3,80	3	60%	Tiêu chí 9.4	4			
Tiêu chí 5.1	3				Tiêu chí 9.5	5			
Tiêu chí 5.2	4				Tiêu chuẩn 10		4,00	6	100%
Tiêu chí 5.3	3				Tiêu chí 10.1	4			
Tiêu chí 5.4	4				Tiêu chí 10.2	4			
Tiêu chí 5.5	5				Tiêu chí 10.3	4			
Tiêu chuẩn 6		4,00	7	100%	Tiêu chí 10.4	4			
Tiêu chí 6.1	4				Tiêu chí 10.5	4			
Tiêu chí 6.2	4				Tiêu chí 10.6	4			
Tiêu chí 6.3	4				Tiêu chuẩn 11		4,00	4	80%
Tiêu chí 6.4	4				Tiêu chí 11.1	4			
Tiêu chí 6.5	4				Tiêu chí 11.2	5			
Tiêu chí 6.6	4				Tiêu chí 11.3	4			
Tiêu chí 6.7	4				Tiêu chí 11.4	3			
					Tiêu chí 11.5	4			
Đánh giá chung CTĐT		Số tiêu chí đạt				Tỉ lệ số tiêu chí đạt			
		46				92%			



**CÁC KIẾN NGHỊ CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG ĐỐI VỚI
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHÍNH QUY TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH NGÔN NGỮ TRUNG QUỐC CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP**

(Kèm theo Nghị quyết số: 143/NQ-HĐKĐCL ngày 29 tháng 8 năm 2025
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm KĐCLGD - ĐHQGHN)

Chương trình đào tạo chính quy trình độ đại học ngành Ngôn ngữ Trung Quốc (CTĐT) của Trường Đại học Đồng Tháp đã được Nhà trường tự đánh giá và được Đoàn đánh giá ngoài đánh giá chất lượng. Kết quả đánh giá chất lượng đối với CTĐT giai đoạn 2020 - 2024 cho thấy có những điểm mạnh sau đây:

Mục tiêu của CTĐT được xác định cơ bản phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học và tầm nhìn, sứ mạng, định hướng phát triển của Nhà trường. Bản mô tả CTĐT có khá các thông tin cốt lõi; đề cương các học phần được rà soát, điều chỉnh. Chương trình dạy học được thiết kế cơ bản dựa trên chuẩn đầu ra, có cấu trúc hợp lý và nội dung cập nhật. Triết lý giáo dục của Trường được công bố rộng rãi và bước đầu được chuyển tải vào CTĐT; các hoạt động dạy - học khá đa dạng, phù hợp với chuẩn đầu ra; một số phương pháp dạy học trải nghiệm, trực tuyến được áp dụng. Hoạt động kiểm tra đánh giá kết quả học tập được quy định, hướng dẫn; kết quả học tập được phản hồi kịp thời đến người học; quy trình phúc tra phúc khảo dễ tiếp cận. Chính sách, cơ chế quy hoạch, phát triển đội ngũ giảng viên, nhân viên được triển khai; kết quả thực hiện nhiệm vụ được giám sát, đánh giá và ghi nhận; giảng viên có năng lực đáp ứng yêu cầu thực hiện CTĐT; nhân viên tâm huyết và đóng góp hiệu quả cho CTĐT. Chính sách, quy định về tuyển sinh rõ ràng, cập nhật; kết quả tuyển sinh có xu hướng tích cực; hệ thống giám sát và hỗ trợ người học được thiết lập hiệu quả. Cơ sở vật chất và trang thiết bị thực hành, công nghệ thông tin, thư viện và hệ thống học liệu được đầu tư, có tích hợp công nghệ mới; cảnh quan môi trường xanh sạch đẹp; điều kiện an ninh, an toàn được quan tâm. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan được thiết lập, hỗ trợ cải tiến và nâng cao chất lượng CTĐT và các dịch vụ hỗ trợ, tiện ích. Hệ thống giám sát các chỉ số kết quả đầu ra của CTĐT được thiết lập, quản lý và đối sánh. Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp trước hạn và có việc làm tương đối tốt; nghiên cứu khoa học sinh viên được quan tâm, khuyến khích và bước đầu có kết quả.

Tuy nhiên, CTĐT còn những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng (cụ thể chi tiết như đã nêu trong Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn đánh giá ngoài). Trên cơ sở Hồ sơ thẩm định và kết quả thảo luận tại Phiên họp, Hội đồng kiến nghị Nhà trường và đơn vị có CTĐT được đánh giá cần xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng theo 11 nhóm giải pháp dưới đây:

1. Mô tả rõ ràng hơn mục tiêu của CTĐT, nhất là về yêu cầu chuyên môn và kỹ năng đặc thù của cử nhân Ngôn ngữ Trung Quốc; bổ sung các chuẩn đầu ra liên quan đến công nghệ thông tin, năng lực số và ngoại ngữ thứ hai theo quy định mới; rà soát,

điều chỉnh các chuẩn đầu ra để đảm bảo tính cụ thể, khả thi và đo lường được; tăng cường hoạt động truyền thông, phổ biến chuẩn đầu ra đến người học và giảng viên bằng nhiều hình thức sinh động, dễ tiếp cận; tăng cường lấy ý kiến các bên liên quan bảo đảm CTĐT gắn kết chặt chẽ với yêu cầu xã hội, thị trường lao động và Khung trình độ quốc gia.

2. Rà soát bản mô tả CTĐT, giới thiệu ngắn gọn về các học phần, xây dựng phiên bản tiếng nước ngoài để tăng cường truyền thông đến các đối tác quốc tế; hoàn thiện đề cương các học phần; rà soát chuẩn đầu ra làm cơ sở bổ sung, cập nhật nội dung học phần, các hoạt động dạy học và kiểm tra đánh giá đảm bảo tương thích, phù hợp; xây dựng các rubrics đánh giá riêng cho từng học phần; mở rộng và đa dạng hóa hình thức công bố công khai bản mô tả chương trình và đề cương học phần nhằm giúp các bên liên quan dễ tiếp cận.

3. Rà soát chương trình dạy học, tổ hợp các hoạt động dạy học và kiểm tra đánh giá đảm bảo phù hợp với chuẩn đầu ra; xem xét điều chỉnh ma trận liên kết học phần và chuẩn đầu ra, cân nhắc chuyển một số học phần tự chọn quan trọng thành bắt buộc, đặc biệt là khởi nghiệp và các học phần phát triển kỹ năng mềm; nghiên cứu bổ sung các học phần mới gắn với năng lực số, tư duy phản biện, kỹ năng thuyết trình, giao tiếp liên văn hóa để nâng cao năng lực cạnh tranh cho người học; giảm số lượng học phần 2 tín chỉ và đồng nhất số tín chỉ trong khối tự chọn.

4. Đẩy mạnh các hình thức truyền thông và lan tỏa triết lý, mục tiêu giáo dục đến cán bộ, giảng viên và sinh viên để chuyển hóa thành hành động dạy và học; xây dựng hướng dẫn chi tiết về thiết kế hoạt động dạy học và kiểm tra đánh giá theo chuẩn đầu ra, đồng thời lồng ghép triết lý giáo dục vào các hoạt động một cách hệ thống và nhất quán; tăng cường các phương pháp dạy học hiện đại, kỹ thuật giảng dạy tích cực một cách đồng bộ, kèm theo cơ chế đánh giá hiệu quả để kịp thời điều chỉnh; chú trọng phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu, tăng cường kỹ năng mềm, kỹ năng số và tư duy phản biện cho sinh viên; mở rộng sự tham gia của nhà sử dụng lao động vào các hoạt động đào tạo để nâng cao chất lượng và gắn kết với thực tiễn.

5. Điều chỉnh mô tả chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung phù hợp với khung 6 bậc, xây dựng và tổ chức thi đánh giá chuẩn hóa năng lực; rà soát, điều chỉnh các hình thức đánh giá để bảo đảm đánh giá đầy đủ các chuẩn đầu ra; tăng cường các hình thức đánh giá bài tập lớn, dự án, tiểu luận, phản hồi đồng đẳng và tự đánh giá qua các rubrics công khai; xây dựng ngân hàng đề thi, ma trận đề thi và tiến hành phân tích phổ điểm nhằm cải tiến chất lượng đề thi; đa dạng hóa hình thức phản hồi.

6. Xây dựng chiến lược phát triển đội ngũ giảng viên gắn với định hướng ngành đào tạo; có chính sách đồng bộ cho phát triển giảng viên trẻ, thu hút chuyên gia đầu ngành và nâng cao đội ngũ tiến sĩ trở lên; chi tiết hóa khung năng lực giảng viên, xây dựng công cụ đánh giá minh bạch, gắn kết kết quả đánh giá với công tác quy hoạch, đào tạo bồi dưỡng và bổ nhiệm; điều chỉnh tỷ lệ sinh viên/giảng viên thông qua kiểm

soát quy mô tuyển sinh hoặc tuyển thêm nhân lực; hoàn thiện hướng dẫn về hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng và đưa vào tiêu chí đánh giá thường xuyên; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ trong quản lý, theo dõi hồ sơ năng lực giảng viên.

7. Hoàn thiện chiến lược phát triển đội ngũ nhân viên, bổ sung các chỉ tiêu, mục tiêu và giải pháp phát triển theo từng giai đoạn; định kỳ rà soát, phân tích nhu cầu và xác định tiêu chí năng lực cho từng vị trí việc làm; lượng hóa hệ thống tiêu chí đánh giá và triển khai đánh giá hiệu quả công việc hàng tháng gắn với thu nhập; xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng gắn với kết quả đánh giá năng lực, chú trọng đào tạo chuyên sâu, dài hạn, phát triển cơ chế khuyến khích nhân viên nâng cao trình độ; bố trí vị trí trợ lý khoa và các nhân sự chuyên trách khác trong đề án vị trí việc làm, bảo đảm vai trò, trách nhiệm rõ ràng và nâng cao chất lượng phục vụ.

8. Đánh giá bài bản các phương thức và tiêu chí tuyển sinh để điều chỉnh, bổ sung nhằm nâng cao hiệu quả; xây dựng chính sách ưu đãi thu hút thí sinh giỏi, nghiên cứu nhu cầu thị trường và phân tích dữ liệu tuyển sinh để điều chỉnh chiến lược phù hợp; thường xuyên tổ chức các hoạt động giao lưu với doanh nghiệp, công ty để định hướng tốt cho sinh viên trong lựa chọn chuyên ngành và xây dựng kế hoạch học tập phù hợp.

9. Đầu tư nâng cấp trang thiết bị phòng học và phòng học đa phương tiện kết nối trực tuyến, hiện đại hóa phòng thực hành; tăng đầu tư cho công tác giáo trình, đẩy mạnh phát triển học liệu số và kết nối phần mềm thư viện với hệ sinh thái số DThU; trang bị phần mềm bản quyền; tối ưu hệ thống công nghệ thông tin, mở rộng hạ tầng mạng không dây, thiết lập đơn vị chuyên trách, phát triển LMS, LCMS, học liệu e-learning chất lượng cao; duy trì và mở rộng dịch vụ y tế, an toàn, an ninh và môi trường học tập xanh, bền vững, thân thiện với người học, đặc biệt là người khuyết tật.

10. Xây dựng cơ chế rà soát chương trình mang tính hệ thống, kết hợp đối sánh chuẩn đầu ra, nội dung đào tạo với xu thế phát triển ngành và nhu cầu nhân lực; tổ chức tham vấn đa dạng và sâu rộng với các bên liên quan; hoàn thiện hướng dẫn thiết kế chuẩn đầu ra, bảo đảm khả năng quan sát và đo lường; cải tiến hoạt động kiểm tra, đánh giá dựa trên dữ liệu phản hồi định kỳ, mở rộng phạm vi áp dụng đo lường chuẩn đầu ra ở tất cả học phần; tăng cường cơ chế khai thác kết quả nghiên cứu khoa học, biên soạn thành học liệu chính thống và có quy định về quy trình áp dụng; khảo sát chuyên sâu về cơ sở vật chất và dịch vụ để đầu tư, nâng cấp, mở rộng các loại hình và chú trọng chuyển đổi số.

11. Xây dựng kế hoạch hành động cụ thể nhằm giảm tỷ lệ thôi học, rút ngắn thời gian tốt nghiệp và nâng cao tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp đúng hạn, có việc làm ổn định; mở rộng phạm vi khảo sát việc làm và sự hài lòng của các bên liên quan đảm bảo công cụ đo lường tin cậy và khai thác dữ liệu để cải tiến CTDH và hỗ trợ người học; thiết kế các biện pháp hỗ trợ chuyên biệt cho ngành; tăng cường kết nối với doanh nghiệp, cơ quan tuyển dụng để gắn đào tạo với nhu cầu thị trường; đa dạng hóa hoạt động nghiên

cứu khoa học sinh viên theo định hướng gắn với thực tiễn và xã hội hóa để tạo sản phẩm có giá trị góp phần nâng cao năng lực nghề nghiệp, năng lực đổi mới sáng tạo và chất lượng đào tạo.

Trên đây là 11 nhóm giải pháp tổng hợp. Nhà trường, đơn vị có CTĐT được đánh giá cần nghiên cứu kỹ Báo cáo đánh giá ngoài CTĐT của Đoàn đánh giá ngoài để có thêm những giải pháp chi tiết trong quá trình triển khai thực hiện. Sau nửa chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục (2,5 năm sau khi được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng), Nhà trường cần có báo cáo kết quả thực hiện cải tiến chất lượng Chương trình đào tạo chính quy trình độ đại học ngành Ngôn ngữ Trung Quốc gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội.
